

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Số: 08 /CV-TASA DH - 2013

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2013

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
hợp nhất Quý I/2013)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614.018. FAX: 0313.614.016

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	Quý I/2013	Quý I/2012	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,984,788,365	28,605,641,818	14,379,146,547	50.27%
Giá vốn hàng bán	30,967,459,717	18,856,768,325	12,110,691,392	64.22%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,017,328,648	9,691,587,689	2,325,740,959	24.00%
Chi phí tài chính	1,668,520,584	2,320,719,927	(652,199,343)	-28.10%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,278,612,067	3,921,060,217	(642,448,150)	-16.38%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,340,463,694	3,430,952,976	3,909,510,718	113.95%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,025,406,384	2,628,202,958	3,397,203,426	129.26%

* Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý I/2013 tăng 129.26% so với cùng kỳ năm trước do nguyên nhân:

+ Doanh thu vận tải, bãi tăng so với cùng kỳ 50.27%.

+ Lãi suất tiền vay ngân hàng giảm so cùng kỳ năm trước (Q1-2012: 17.% - 20%/năm, Q1-2013: 11%-13%/năm). Công ty tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ đối với khách hàng, hạn chế các khoản vay nên chi phí tài chính giảm 28,10%.



+ Công ty kinh doanh thêm mặt hàng xuất khẩu giấy để (giấy vàng mã) sang Đài Loan mang lại lợi nhuận cao.

+ Từ quý II năm 2012, Công ty thay đổi chính sách khoán từng phương tiện thiết bị đến từng lái xe vì vậy tiết kiệm được chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa mang lại lợi nhuận cao.

+ Ngoài ra, một số khoản mục chi phí của Công ty đều giảm, do Ban lãnh đạo Công ty dự báo tình hình kinh tế trong năm 2013 sẽ còn nhiều khó khăn nên Công ty đã chủ động kiểm soát các khoản chi phí chung, chi phí quản lý và tinh giảm biên chế.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Nhu trên

-Luu



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đình Chung



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Trụ sở chính: Số 189 đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2013

HẢI PHÒNG 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2013**

Hải Phòng, Tháng 04 năm 2013



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
-	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2013</i>	3-4
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I năm 2013</i>	5-6
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý I năm 2013</i>	7
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2013</i>	8-31

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2013

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: đồng
				Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		71.924.128.933	69.460.931.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.599.376.684	9.064.540.781
1. Tiền	111	V.01	4.599.376.684	9.064.540.781
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	35.904.247.556	33.094.982.690
1. Phải thu khách hàng	131	V.02a	24.753.097.991	26.410.293.160
2. Trả trước cho người bán	132		6.617.612.500	1.713.486.766
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02b	4.920.772.156	5.358.437.855
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.02c	(387.235.091)	(387.235.091)
IV. Hàng tồn kho	140		19.712.060.651	18.899.323.239
1. Hàng tồn kho	141	V.03	19.712.060.651	18.899.323.239
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.708.444.042	8.402.084.843
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.586.494.024	931.231.761
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	1.554.828.540	1.361.658.389
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		68.901.535	56.347.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.498.219.943	6.052.846.922
B. Tài sản dài hạn	200		169.537.112.862	172.264.954.926
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		137.359.845.071	137.756.590.242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	119.133.515.543	122.426.163.809
- Nguyên giá	222		174.434.521.900	179.567.304.555
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(55.301.006.357)	(57.141.140.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.309.012.734	1.352.646.492
- Nguyên giá	225		1.396.280.250	1.396.280.250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(87.267.516)	(43.633.758)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	9.187.395.892	9.295.078.741
- Nguyên giá	228		12.452.566.422	12.452.566.422
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.265.170.530)	(3.157.487.681)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	7.729.920.902	4.682.701.200
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.729.447.669	3.841.979.556
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.659.123.126	3.758.966.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		70.324.543	83.012.743
VI. Lợi thế thương mại	269	V.10	29.447.820.122	30.666.385.128
Tổng cộng tài sản	270		241.461.241.795	241.725.886.479

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		78.554.726.555	77.808.659.132
I. Nợ ngắn hạn	310		69.640.514.838	65.227.784.025
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	47.792.969.940	43.312.060.826
2. Phải trả người bán	312	V.12	12.236.272.827	10.133.406.595
3. Người mua trả tiền trước	313		1.660.431.082	1.833.932.670
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.364.205.218	3.010.401.632
5. Phải trả người lao động	315		1.617.366.392	1.599.145.064
6. Chi phí phải trả	316	V.14	209.652.698	1.704.322.525
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	3.586.649.267	3.015.658.132
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		172.967.414	618.856.581
II. Nợ dài hạn	330		8.914.211.717	12.580.875.107
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.052.234.782	1.794.234.782
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	7.861.976.935	10.786.640.325
B. Vốn chủ sở hữu	400		156.438.091.174	157.137.062.825
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	156.438.091.174	157.137.062.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.615.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.224.776.400)	(2.224.776.400)
4. Quỹ dự phòng tài chính	417		2.521.954.077	2.474.329.995
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.825.553.997	18.572.149.730
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		6.468.424.066	6.780.164.522
Tổng cộng nguồn vốn	440		241.461.241.795	241.725.886.479

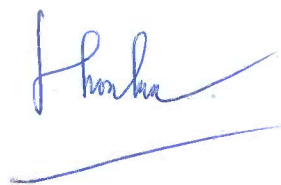
Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2013

Người lập

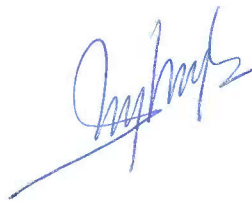
Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

kiêm Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Ngọc Lan



Nguyễn Thu Thủy




Nguyễn Đình Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	42.984.788.365	28.605.641.818	42.984.788.365	28.605.641.818
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.19	-	57.285.804		57.285.804
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.20	42.984.788.365	28.548.356.014	42.984.788.365	28.548.356.014
4.	Giá vốn hàng bán	VI.21	30.967.459.717	18.856.768.325	30.967.459.717	18.856.768.325
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.017.328.648	9.691.587.689	12.017.328.648	9.691.587.689
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.22	200.554.410	19.616.344	200.554.410	19.616.344
7.	Chi phí tài chính	VI.23	1.668.520.584	2.320.719.927	1.668.520.584	2.320.719.927
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.668.520.584	2.319.464.734	1.668.520.584	2.319.464.734
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.278.612.067	3.921.060.217	3.278.612.067	3.921.060.217
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.270.750.407	3.469.423.889	7.270.750.407	3.469.423.889
11.	Thu nhập khác		789.406.906	87.258.373	789.406.906	87.258.373
12.	Chi phí khác		719.693.619	125.729.286	719.693.619	125.729.286
13.	Lợi nhuận khác		69.713.287	(38.470.913)	69.713.287	(38.470.913)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.340.463.694	3.430.952.976	7.340.463.694	3.430.952.976
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.24	1.385.381.852	802.750.018	1.385.381.852	802.750.018
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		70.324.543	-	70.324.543	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.025.406.384	2.628.202.958	6.025.406.384	2.628.202.958
17.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		199.162.360	132.261.706	199.162.360	132.261.706

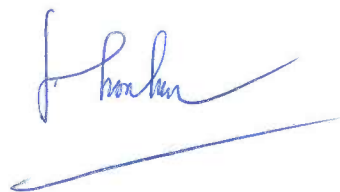
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Số 189, đường Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 1 năm 2013

17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		5.826.244.024	2.495.941.252	5.826.244.024	2.495.941.252
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.26	472	204	472	204

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2013

Người lập



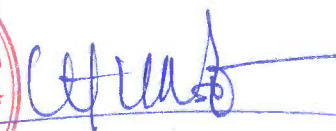
Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cng cấp dịch vụ	01	76.306.566.819	64.224.933.213
2. Tiền trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(66.903.759.195)	(71.090.085.186)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.179.668.723)	(5.054.944.965)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.558.231.809)	(2.240.541.035)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.973.496.198)	(73.887.979)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	39.548.264.769	69.557.369.756
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(51.645.412.402)	(52.483.308.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.405.736.739)	2.839.535.455
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và TS dài hạn	21	(2.364.136.442)	(4.800.000)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và TS dài hạn	22	760.156.000	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.373.864.779	2.728.816.002
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.769.884.337	2.724.016.002
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi mua lại cổ phần đã phát hành	32	-	(80.350.120)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	52.435.348.694	47.488.055.975
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(45.391.929.326)	(43.804.822.906)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(183.830.038)	(225.503.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.688.901.025)	(4.501.713.943)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	170.688.305	(1.124.333.994)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.465.164.097)	4.439.217.463
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.064.540.781	5.073.912.190
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.599.376.684	9.513.129.653

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2013

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch HĐQT

Kiểm Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Chung



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2013

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 7, ngày 18 tháng 07 năm 2011. Theo đó;

- Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng
- Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa đường sắt; Vận tải hàng hóa viễn dương; Vận tải hàng hóa ven biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ liên quan khác đến vận tải, bao gồm: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh, vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

➤ Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 049591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 28 tháng 3 năm 2008. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 20.700.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

3
T
H
A
I
3
H
18

➤ **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1804000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 05 tháng 01 năm 2009. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 3.500.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

➤ **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202003333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 04 tháng 07 năm 2012. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 10.800.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

➤ **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202002861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 12 tháng 10 năm 2012. Theo đó:

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

➤ **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104003621 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 15 tháng 04 năm 2009. Theo đó;

- Vốn điều lệ: 2.520.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

➤ **Công ty TNHH Container Minh Thành**

28
Y
N
H
P

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0202003403 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 03 tháng 12 năm 2010. Theo đó;

- Vốn điều lệ: 24.000.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

➤ **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011. Theo đó;

- Vốn điều lệ: 999.000.000 đồng
- Trụ sở đăng ký tại: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2013.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 31/12/2013.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (Công ty mẹ) và các Công ty con tại ngày 31/03/2013. Các Công ty được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

CÔNG TY

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

C.P. 9

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I năm 2013 là 25%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2013	31/12/2012
Tiền mặt	1.505.079.200	1.714.931.593
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	862.744.689	1.313.963.501
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	30.061.645	43.198.762
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.463.115	4.966.992
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.236.708	10.552.991
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	367.843.683	26.773.766
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	21.800.990	64.837.002
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	210.500.621	146.001.846
Công ty TNHH Container Minh Thành	4.427.749	104.636.733
Tiền gửi ngân hàng	3.094.297.484	7.349.609.188
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	391.202.005	3.600.205.655
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	35.293.567	53.920.638
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.785.421.011	651.629.167
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	463.481.240	1.298.931.629
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	109.174.899	1.231.492.969
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	285.971.293	101.632.725
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	8.975.021	25.517.643
Công ty TNHH Container Minh Thành	14.778.448	386.278.762
Cộng:	4.599.376.684	9.064.540.781

02 a Phải thu khách hàng

	31/03/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.721.304.554	1.513.302.682
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.182.340.317	4.734.444.625
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	11.541.271.994	12.865.436.649
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.335.561.176	2.458.330.233
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	4.609.380.890	3.331.895.876
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	417.188.242	623.881.129
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	121.716.404	156.295.354
Công ty TNHH Container Minh Thành	824.334.414	726.706.612
Cộng:	24.753.097.991	26.410.293.160

02b Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	471.623.650	206.237.435
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	381.605.406	413.333.805
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.224.722.654	2.459.000.308
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	493.684.861	807.891.863
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	609.387.000	609.387.000
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	135.939.660	278.778.519
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	466.360.345	446.360.345
Công ty TNHH Container Minh Thành	137.448.580	137.448.580
Cộng:	4.920.772.156	5.358.437.855

02c Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	387.235.091	387.235.091
Cộng:	387.235.091	387.235.091

03. Hàng tồn kho

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
Nguyên liệu, vật liệu	2.892.588.658	3.385.875.534
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.866.255.828	3.282.446.072
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	26.332.830	29.954.360
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		73.475.102
Công cụ, dụng cụ	-	35.504.547
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		35.504.547
Chi phí SXKD dở dang	674.117.401	408.476.181
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	674.117.401	408.476.181
Hàng hoá	16.145.354.592	15.069.466.977
Cty cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải	7.417.269.498	7.410.634.953
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	3.860.482.927	497.777.777
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	140.716.671	2.755.681.139
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	999.871.909	999.871.909
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.750.391.676	2.436.122.975
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	777.108.310	769.864.623
Công ty TNHH Container Minh Thành	199.513.601	199.513.601
Cộng:	19.712.060.651	18.899.323.239

2013/03/20

04. Thuế GTGT còn được khấu trừ

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
Thuế GTGT còn được khấu trừ	1.554.828.540	1.361.658.389
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	63.803.997	60.252.508
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	441.076.827	-
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	1.049.947.716	1.152.325.418
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	149.080.463
Cộng:	1.554.828.540	1.361.658.389

05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
I. Nguyên giá tài sản cố định	174.434.521.900	179.567.304.555
Nhà cửa vật kiến trúc	89.153.844.015	89.428.220.930
Máy móc thiết bị	29.510.938.368	32.569.350.265
Phương tiện vận tải	54.223.677.898	56.023.671.741
Tài sản cố định khác	1.546.061.619	1.546.061.619
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	55.301.006.357	57.141.140.746
Nhà cửa vật kiến trúc	21.297.259.112	20.033.518.303
Máy móc thiết bị	13.958.243.687	16.533.268.862
Phương tiện vận tải	19.121.567.430	19.690.027.403
Tài sản cố định khác	923.936.128	884.326.178
III. Giá trị còn lại	119.133.515.543	122.426.163.809
Nhà cửa vật kiến trúc	67.856.584.903	69.394.702.627
Máy móc thiết bị	15.552.694.681	16.036.081.403
Phương tiện vận tải	35.102.110.468	36.333.644.338
Tài sản cố định khác	622.125.491	661.735.441

06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	1.396.280.250	1.396.280.250
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.396.280.250	1.396.280.250
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	87.267.516	43.633.758
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	87.267.516	43.633.758
III. Giá trị còn lại	1.309.012.734	1.352.646.492
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.309.012.734	1.352.646.492

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	31/03/2013	31/12/2012
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>		
I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	12.452.566.422	12.452.566.422
Quyền sử dụng đất	10.593.997.991	10.593.997.991
Tài sản cố định vô hình khác	1.858.568.431	1.858.568.431
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	3.265.170.530	3.157.487.681
Quyền sử dụng đất	2.109.942.184	2.023.903.000
Tài sản cố định vô hình khác	1.155.228.346	1.133.584.681
III. Giá trị còn lại	9.187.395.892	9.295.078.741
Quyền sử dụng đất	8.484.055.807	8.570.094.991
Tài sản cố định vô hình khác	703.340.085	724.983.750

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2013	31/12/2012
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>		
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	2.787.272.724	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	901.173.357	674.935.504
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	995.578.960	995.578.960
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	494.390.773	455.681.648
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.551.505.088	2.556.505.088
Cộng:	7.729.920.902	4.682.701.200

09. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2013	31/12/2012
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>		
- Chi phí công cụ dụng cụ	42.143.844	42.609.613
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	42.143.844	42.609.613
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	10.091.674	12.254.173
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	516.476.958	596.710.997
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	766.285.203	1.391.886.748
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	213.347.811	236.109.518
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	58.194.051	306.703.981
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	209.734.217	260.692.370
Công ty TNHH Container Minh Thành	842.849.368	911.999.413
Cộng:	2.659.123.126	3.758.966.813

10. Lợi thế thương mại

	31/03/2013	31/12/2012
<i>Đơn vị tính: Đồng</i>		
- Lợi thế thương mại	29.447.820.122	30.666.385.128
Cộng:	29.447.820.122	30.666.385.128

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	31/03/2013	31/12/2012
CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (1*)	3,000,000,000	939,163,418
CT TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (2*)	7.998.577.094	6.903.382.131
CT TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (3*)	11.446.110.388	11.111.229.807
CT TNHH Vận tải Duyên Hải (4*)	6.587.431.844	8.174.097.866
CT TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (5*)	8.013.505.527	6.551.032.362
CT TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội (6*)	4.975.038.213	4.971.161.939
CT TNHH Container Minh Thành (7*)	5.772.306.874	4.661.993.303
Cộng:	47.792.969.940	43.312.060.826

(1*). Khoản vay của Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải là khoản vay của Đặng Hồng Quân, lãi suất vay 12%/năm. Tín chấp. Vay để đặt cọc tiền thuê đất cho Công ty Cổ Phần đầu tư bất động sản Minh Phương tại khu công nghiệp Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng.

(2*). Khoản vay của Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay được đảm bảo bằng 12 Xe ô tô đầu kéo, 12 xe rơ moóc chuyên dùng, quyền sử dụng đất của căn nhà số 219 Lạch Tray, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải Phòng và bảo lãnh thế chấp quyền sử dụng đất của căn nhà số 30/67 đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Hải Phòng.

(3*) Khoản vay của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ nhà xưởng, hệ thống kho bãi, văn phòng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các công trình kiến trúc trên diện tích 9.024 m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(4*) Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc được Công ty xây dựng trên diện tích đất 19.990 m² tại Km 104 + 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(5*) Khoản vay 6.274.905.527 đồng của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ nhà cửa, kho, sân bãi container trên diện tích đất thuê của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ và 01 cầu giàn, 02 xe nâng, 01 cần trục 36 tấn. Tài sản trên đất của Công ty Cổ phần xây lắp cơ khí và lưới thép Sông Hồng. Khoản vay 1.738.600.000 đồng là vay của Ngân hàng TMCP quốc tế chi nhánh Việt Trì. Thời hạn vay 12 tháng lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 01 xe nâng 45 tấn SMV Model 4531 và 03 xe đầu kéo Mỹ.

(6*) Khoản vay của Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Hà Nội với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản này được đảm bảo bằng giấy CNQSD đất căn nhà số 212 N3A đường Lê Văn Lương khu đô thị

Trung hòa nhân chính, Thanh Xuân, Đống đa, Hà Nội và xe nâng 45 tấn KONECRANES REACH STACKER MODEL SMV 4531 TB5.

(7*) Khoản vay, số tiền 5.772.306.874 đồng là do Công ty TNHH Container Minh Thành vay của các cá nhân bên ngoài, lãi suất 11%/năm, không có tài sản đảm bảo.

12. Phải trả người bán

	31/03/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	165.121.549	90.540.373
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	197.717.699	205.516.207
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	122.837.814	76.127.597
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	3.240.194.916	3.548.487.677
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	8.287.578.062	5.880.094.321
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	11.000.000	-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	11.000.000	63.633
Công ty TNHH Container Minh Thành	200.822.787	332.576.787
Cộng:	12.236.272.827	10.133.406.595

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2013	31/12/2012
- Thuế GTGT	1.014.248.848	1.067.542.242
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	88.163.323	216.299.700
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	857.341.909	349.792.445
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	25.639.445	304.861.552
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải		148.783.570
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	18.053.027	8.694.038
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	25.051.144	39.110.937
- Thuế đất	-	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.345.783.097	1.933.897.442
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	118.164.886	240.613.242
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	408.362.021	430.818.282
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	252.524.366	267.674.825
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	295.545.774	778.575.179
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	57.233.052	127.018.781
Công ty TNHH Container Minh Thành	205.642.255	80.162.216
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	8.310.743	9.034.917
- Thuế thu nhập cá nhân	4.173.273	8.961.948
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	2.256.518	1.209.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		-

17-C/1
HÔNG

	31/03/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ		4.227.146
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		
Cty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải HN	334,761	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	805.367	360.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	776.627	776.627
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải		2.389.175
Cộng:	2.364.205.218	3.010.401.632

14. Chi phí phải trả

	31/03/2013	31/12/2012
		<i>Đơn vị tính: Đồng</i>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	6.375.455
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	99.888.032	494.469.137
Công ty TNHH Container Minh Thành	109.764.666	15.583.333
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	1.187.894.600
Cộng:	209.652.698	1.704.322.525

15. Phải trả, phải nộp khác

	31/03/2013	31/12/2012
		<i>Đơn vị tính: Đồng</i>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	11.977.110	10.564.375
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	146.553.210	303.646.496
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	227.793.382	60.047.213
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	85.206.552	2.180.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	1.207.900.838	889.167.576
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	163.078.683	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.744.139.492	1.750.052.472
Cộng:	3.586.649.267	3.015.658.132

16. Vay và nợ dài hạn

	31/03/2013	31/12/2012
		<i>Đơn vị tính: Đồng</i>
Vay dài hạn	6.575.166.668	9.316.000.020
CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải		
<i>Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Đông HP(1*)</i>	746.000.000	1.136.000.000
CT TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội		
<i>Ngân hàng NN&PTNT CN Tây Hà Nội (2*)</i>	3.666.666.668	4.125.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ		
<i>Ngân hàng TMCP CT Việt Nam CN Hùng Vương (3*)</i>	700.000.000	770.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải		

	31/03/2013	31/12/2012
Ngân hàng công thương Ngô Quyền (4*)	1.462.500.000	1.560.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành		
Ngân hàng công thương Lê Chân	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đông HP(5*)	-	1.725.000.020
Nợ dài hạn	1.286.810.267	1.470.640.305
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải		
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (6*)	1.286.810.267	1.470.640.305
Cộng:	7.861.976.935	10.786.640.325

(1*) Khoản vay của Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải là khoản vay của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Đông Hải Phòng, tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 10 Xe đầu kéo Rơ moóc hiệu Hải Âu. Lãi suất 15%/năm. Thời hạn vay 48 tháng.

(2*) Khoản vay của Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội là khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Tây Hà Nội được thế chấp bằng 20 Xe đầu kéo, rơ moóc hiệu Faw Trung Quốc. Lãi suất 15%/năm. Thời hạn vay 36 tháng.

(3*) Khoản vay của Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Hùng Vương được đảm bảo bằng 01 xe cầu 25 tấn bánh lốp nhãn hiệu sản xuất tại Trung Quốc. Lãi suất 15%/năm.

(4*) Khoản vay của công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh Ngô Quyền. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất theo từng thời điểm vay, tài sản thế chấp cho khoản vay này là 05 đầu kéo Faw sản xuất tại Trung Quốc.

(5*) Khoản vay của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải là khoản vay của Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam chi nhánh Đông Hải Phòng được thế chấp bằng 02 xe nâng 45 tấn SMV, Sản xuất tại Thụy điển và Công trình kho bãi điện máy trên diện tích 23.500 m2 đất của Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải. Lãi suất 15%/năm.

(6*) Khoản vay của Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải thuê vay tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 15.6%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 02 đầu kéo và 02 sơ mi rơ moóc sản xuất tại Trung Quốc.



17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500		2.742.386.157	9.934.145.195	150.991.890.852
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	640.938.932		640.938.932
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.431.595.653	19.431.595.653
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	2.224.776.400	908.995.094	10.793.591.117	13.927.362.611
2. Số dư cuối năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	(2.224.776.400)	2.474.329.995	18.572.149.730	157.137.062.825
3. Số dư đầu năm nay	128.700.000.000	9.615.359.500	(2.224.776.400)	2.474.329.995	18.572.149.730	157.137.062.825
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	6.025.406.384	6.025.406.384
Tăng khác	-	-	-	47.624.082	-	47.624.082
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	6.772.002.117	6.772.002.117
4. Số dư tại ngày 31/03/2013	128.700.000.000	9.615.359.500	(2.224.776.400)	2.521.954.077	17.825.553.997	156.438.091.174

b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ đã góp)

	31/03/2013	31/12/2012
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78.883.000.000	80.585.480.000
Vốn góp của cổ đông khác	8.380.780.000	5.218.600.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	41.436.220.000	42.895.920.000
Cộng:	128.700.000.000	128.700.000.000

Đơn vị tính: Đồng

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/03/2013	31/12/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia trong đó:	6.780.452.698	11.785.416.823
- Cổ đông của công ty mẹ	6.385.000.000	11.537.705.000
- Cổ đông thiểu số	395.452.698	247.711.823

Đơn vị tính: Đồng

d. Cổ tức

	Số năm nay	Số năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	12%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-
đ. Cổ phiếu	31/03/2013	31/12/2012

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.870.000	12.870.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.770.000	12.770.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.770.000	12.770.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000	100.000-
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.770.000	12.770.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.770.000	12.770.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Doanh thu vận tải	18.943.359.677	12.581.236.217
Doanh thu kho CFS	3.633.851.866	2.413.423.463
Doanh thu bãi	7.702.983.333	5.115.937.961
Doanh thu xuất tàu Shipline	774.943.159	514.678.658
Doanh thu thương mại, dịch vụ	11.929.650.330	7.980.365.519
Cộng:	42.984.788.365	28.605.641.818

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Thuế xuất khẩu	-	57.285.804
Cộng:	-	57.285.804

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Doanh thu vận tải	18.943.359.677	12.581.236.217
Doanh thu kho CFS	3.633.851.866	2.413.423.463
Doanh thu bãi	7.702.983.333	5.115.937.961
Doanh thu xuất tàu Shipline	774.943.159	514.678.658
Doanh thu thương mại, dịch vụ	11.929.650.330	7.923.079.715
Cộng:	42.984.788.365	28.548.356.014

21. Giá vốn hàng bán

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Giá vốn vận tải	13.280.201.005	8.086.606.908
Giá vốn kho CFS	2.045.532.603	1.245.569.858
Giá vốn bãi	4.607.247.257	2.805.454.336
Giá vốn xuất tàu Shipline	523.625.000	318.846.796
Giá vốn thương mại, dịch vụ	10.510.853.852	6.400.290.427
Cộng:	30.967.459.717	18.856.768.325

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Lãi tiền gửi	200.554.410	19.616.344
Cộng:	200.554.410	19.616.344

23. Chi phí hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Lãi tiền vay	1.668.520.584	2.319.464.734
Chênh lệch tỷ giá		1.255.193
Cộng:	1.668.520.584	2.320.719.927

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.385.381.852	802.750.018
Cộng:	1.385.381.852	802.750.018

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.403.863.916	2.681.609.740
Chi phí nhân công	3.882.266.344	2.363.997.489
Chi phí Khấu hao TSCĐ	3.750.707.231	2.283.888.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.333.797.490	11.163.853.120
Chi phí bằng tiền khác	596.824.736	363.419.728
Cộng	30.967.459.717	18.856.768.325

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I Năm 2013	Quý I Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.025.406.384	2.628.202.958
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.025.406.384	2.628.202.958
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.770.000	12.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	472	204

27. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động

nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

17
NG
PH
IT
INC
N
H

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem tại Mục 11 và 16, phần Thuyết minh).

28. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

Tập đoàn chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Số 31/03/2013	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.599.376.684	4.599.376.684
Phải thu khách hàng	24.753.097.991	24.753.097.991
Phải thu khác	4.920.772.156	4.920.772.156
Cộng	34.273.246.831	34.273.246.831
Số 31/03/2013		
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Vay và nợ ngắn hạn	47.792.969.940	47.792.969.940
Phải trả người bán	12.236.272.827	12.236.272.827
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.586.649.267	3.586.649.267
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	1.052.234.782	1.052.234.782
Vay và nợ dài hạn	7.861.976.935	7.861.976.935
Cộng	72.530.103.751	72.530.103.751

29. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/03/2013

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	70%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	30%

b. Tỷ suất sinh lợi:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	14%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	4%

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	33%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	2%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của	88%

TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)

30. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013
- Giá vốn dịch vụ		2.764.490.858
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Cước vận chuyển và dịch vụ kho bãi.	1.947.360.683
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Thuê văn phòng và dịch vụ kho bãi, sửa chữa	480.285.175
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Cước vận chuyển.	336.845.000
- Doanh thu dịch vụ		1.425.022.117
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Thuê phương tiện vận tải và dịch vụ khác.	557.678.202
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Dịch vụ khác	11.186.352
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Thuê phương tiện vận tải và dịch vụ khác.	654.848.437
4 Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Thuê văn phòng, phương tiện vận tải và dịch vụ khác.	1.296.524
5 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Dịch vụ vận chuyển.	196.623.034
6 Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Dịch vụ khác.	2.116.847
7 Công ty TNHH Container Minh Thành	Dịch vụ khác.	1.272.721
- Cổ tức và lợi nhuận được chia		6.327.753.078

1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận	341.980.015
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Lợi nhuận	1.136.282.615
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận	704.538.661
4 Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận	23.186.972
5 Công ty TNHH Container MinhThành	Lợi nhuận	538.904.913
6 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận	3.582.859.902
- Các khoản phải thu		31/03/2013
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	579.920.000
2 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	74.034.176
3 Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công nợ phải thu	783.751
4 Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Công nợ phải thu	756.645.989
- Các khoản phải thu khác		31/03/2013
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	6.191.131.624
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	13.788.274.817
3 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	7.848.294.700
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	1.944.424.151
5 Công ty TNHH thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	Công nợ phải thu	674.457.505
6 Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công nợ phải thu	6.674.932.873
- Phải trả người bán		31/03/2013
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	226.688.000
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	128.021.116
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	797.650.099
- Các khoản phải trả khác		31/03/2013
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	6.830.038.106
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		Từ 01/01/2013
		đến 31/03/2013
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		170.344.778

VII. Thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội .

2. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Kiểm Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Ngọc Lan

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Đình Chung